

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		554.094.883.299	450.549.463.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.358.163.642	63.657.269.847
1. Tiền	111		32.358.163.642	63.657.269.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.530.000.000	35.878.411.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	11.530.000.000	35.878.411.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		285.091.847.485	231.703.243.763
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	240.343.546.434	203.479.555.536
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	44.347.629.915	27.306.849.247
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	400.671.136	916.838.980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		215.717.986.780	112.693.900.367
1. Hàng tồn kho	141	V.6	215.717.986.780	112.693.900.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.396.885.392	6.616.637.390
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	677.690.350	800.903.143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.446.377.000	5.660.909.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.059.398.098	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	213.419.944	154.824.669

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.708.369.123	163.394.929.830
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.891.974.808	147.944.079.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	133.457.918.817	127.004.529.580
<i>Nguyên giá</i>	222		163.761.827.709	145.741.875.815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.303.908.892)	(18.737.346.235)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.649.841.350	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.649.841.350	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	16.784.214.641	20.939.549.879
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	3.600.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.239.393.022	1.236.608.922
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.278.329.994	677.696.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	752.811.028	361.561.073
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	208.252.000	197.351.000
VI. Lợi thế thương mại			1.977.001.293	2.214.241.449
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714.803.252.422	613.944.392.997

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		486.491.784.156	444.050.274.467
I. Nợ ngắn hạn	310		466.892.464.213	411.664.253.070
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	410.166.040.146	315.744.222.748
2. Phải trả người bán	312	V.17	35.541.710.182	69.119.038.613
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.516.767.687	1.395.960.300
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	26.365.886	6.943.712.811
5. Phải trả người lao động	315	V.20	4.023.754.597	6.868.143.424
6. Chi phí phải trả	316	V.21	2.333.965.875	3.615.610.727
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	147.028.542	117.936.525
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	12.136.831.298	7.859.627.922
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19.599.319.943	32.386.021.397
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	19.301.112.434	32.136.144.722
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		86.373.784	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	211.833.725	249.876.675
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228.311.468.266	169.894.118.530
I. Vốn chủ sở hữu	410		228.311.468.266	169.894.118.530
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	110.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.920.224.200	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		262.025.926	1.057.228.629
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.403.279.903	3.202.055.121
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.008.199.758	8.005.137.804
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		82.717.738.479	67.629.696.976
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		714.803.252.422	613.944.392.997

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

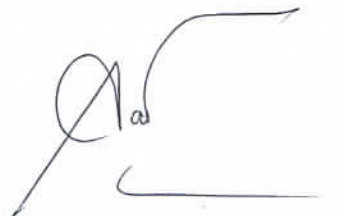
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
EURO		100,12	-
USD		957.264,76	5.438.919,77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2011



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

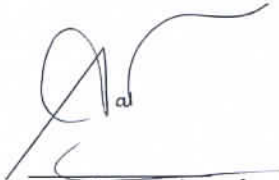
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2010		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	297.300.033.320	252.335.738.844	1.079.705.644.925	725.614.144.196
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	300.953.000	725.413.657	1.266.589.117	5.477.600.493
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	296.999.080.320	251.610.325.187	1.078.439.055.808	720.136.543.703
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	253.846.553.088	209.018.306.548	902.675.932.142	597.312.742.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.152.527.232	42.592.018.639	175.763.123.666	122.823.801.356
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	12.701.413.647	297.099.666	39.237.026.943	13.783.989.262
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	21.955.405.155	(5.897.697.038)	55.403.666.610	15.646.817.794
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.986.543.938	5.423.551.402	38.315.222.645	15.032.576.183
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	22.591.850.519	16.601.605.227	75.399.958.887	44.890.920.055
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	3.308.656.827	4.752.584.210	22.477.756.007	16.458.055.695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.998.028.378	27.432.625.906	61.718.769.105	59.611.997.074
11. Thu nhập khác	31		3.217.243	1.637.348.727	594.378.781	1.690.081.128
12. Chi phí khác	32		479.057.221	1.836.698.051	1.330.580.098	7.098.885.864
13. Lợi nhuận khác	40		(475.839.978)	(199.349.324)	(736.201.317)	(5.408.804.736)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.522.188.400	27.233.276.582	60.982.567.788	54.203.192.338
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	(2.968.086.202)	2.567.627.599	1.690.216.593	6.955.411.075
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(989.752.121)	821.178.604	(304.876.171)	(355.304.405)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.480.026.723</u>	<u>23.844.470.379</u>	<u>59.597.227.366</u>	<u>47.603.085.668</u>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	(2.687.287.813)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>11.480.026.723</u>	<u>23.844.470.379</u>	<u>59.597.227.366</u>	<u>50.290.373.481</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.7	<u>1.044</u>	<u>2.649</u>	<u>5.418</u>	<u>5.588</u>


NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2011



TRẦN THỊ VÂN LOAN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.982.567.788	54.203.192.338
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	11.740.260.485	5.880.589.076
- Các khoản dự phòng	03		-	(40.055.243)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		5.178.452.536	348.230
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.291.018.973)	(2.503.046.695)
- Chi phí lãi vay	06		38.315.222.645	15.032.576.183
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110.925.484.481	72.573.603.889
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.971.101.113)	(32.035.631.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.024.086.413)	(50.662.120.024)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.834.128.656)	51.638.000.694
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(477.420.352)	(1.188.508.195)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(38.070.921.809)	(14.844.845.524)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(9.668.639.452)	(1.391.068.064)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	44.159.184
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(527.695.751)	(502.759.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(140.648.509.065)	23.630.830.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.450.915.678)	(61.341.354.211)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.637.348.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.530.000.000)	(59.052.435.100)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		44.052.435.100	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.772.130.336	3.306.295.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.893.649.758	(115.450.145.085)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

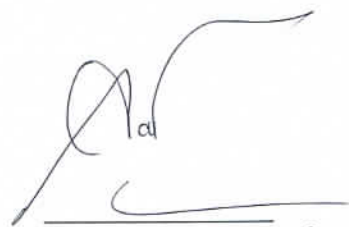
Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		39.920.224.200	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	1.295.606.435.708	995.265.560.143
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.214.069.650.598)	(844.272.175.654)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.500.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.957.009.310	137.493.384.489
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.797.849.997)	45.674.070.201
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63.657.269.847	18.808.362.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.498.743.792	(825.162.503)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.358.163.642	63.657.269.847


NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2011



TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang cho Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
- Tổng số các công ty con** : 1
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ việc đánh giá lại các tài sản dài hạn.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong 10 năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Năm 2009 công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang còn được hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: được giảm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư lần đầu số 52121000096 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 11 năm 2007 và thay đổi lần 01 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang ngày 21 tháng 02 năm 2008, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 12 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá quy đổi : Ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thông tin về các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	10.644.623.649	1.042.871.876
Tiền gửi ngân hàng	21.713.539.993	62.614.397.971
Cộng	<u>32.358.163.642</u>	<u>63.657.269.847</u>

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn NH Eximbank	0	35.878.411.800
Tiền gửi có kỳ hạn Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển	1.530.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Tiền gửi có kỳ hạn NH Công thương Châu Đốc	10.000.000.000	0		
Cộng	<u>11.530.000.000</u>	<u>35.878.411.800</u>		
3. Phải thu khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	240.343.546.434	203.479.555.536		
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-		
Cộng	<u>240.343.546.434</u>	<u>203.479.555.536</u>		
4. Trả trước người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	34.429.163.725	17.178.383.057		
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	9.918.466.190	10.128.466.190		
Cộng	<u>44.347.629.915</u>	<u>27.306.849.247</u>		
5. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.620.000	730.066.499		
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	262.875.136	96.540.000		
Các khoản phải thu khác	55.176.000	90.232.481		
Cộng	<u>400.671.136</u>	<u>916.838.980</u>		
6. Hàng tồn kho	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Nguyên liệu, vật liệu	4.468.588.286	366.056.599		
Công cụ, dụng cụ	6.588.999.148	4.659.188.005		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.752.830.925	-		
Thành phẩm	106.850.836.232	94.113.579.313		
Hàng gửi đi bán	11.056.732.189	13.555.076.450		
Cộng	<u>215.717.986.780</u>	<u>112.693.900.367</u>		
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	800.903.143	2.358.793.922	(2.482.006.715)	677.690.350
Cộng	<u>800.903.143</u>	<u>2.358.793.922</u>	<u>(2.482.006.715)</u>	<u>677.690.350</u>
8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.074.931.419)	0		
Cộng	<u>(1.074.931.419)</u>	<u>0</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	51.188.927.619	90.735.894.443	2.601.981.426	1.215.072.327		145.741.875.815
Tăng trong năm	8.641.809.834	6.972.220.977	0	51.606.400	2.354.314.683	18.019.951.894
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	59.830.737.453	97.708.115.420	2.601.981.426	1.266.678.727	2.354.314.683	163.761.827.709
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.105.922.362	13.433.519.485	687.218.046	510.686.342		18.737.346.235
Khấu hao trong năm	2.370.564.230	8.679.280.244	267.855.984	170.385.043	78.477.156	11.566.562.657
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	6.476.486.592	22.112.799.729	955.074.030	681.071.385	78.477.156	30.303.908.892
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	47.083.005.257	77.302.374.958	1.914.763.380	704.385.985		0 127.004.529.580
Số cuối năm	53.354.250.861	75.595.315.691	1.646.907.396	585.607.342	2.275.837.527	133.457.918.817

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	924.527.240	-	(924.527.240)	-
XDCB dở dang	20.015.022.639	11.618.238.596	(14.849.046.594)	16.784.214.641
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	165.354.310	(165.354.310)	-
Số cuối quý	20.939.549.879	11.783.592.906	(15.938.928.144)	16.784.214.641

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tô Châu	3.600.000.000	3.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	0	8.400.000.000
Cộng	3.600.000.000	12.000.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí trả trước dài hạn	677.696.849	1.235.196.599	(634.563.454)	1.278.329.994
Cộng	677.696.849	1.235.196.599	(634.563.454)	1.278.329.994

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	361.561.073
Phát sinh trong năm	391.249.955
Số cuối năm	752.811.028

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	208.252.000	197.351.000
Cộng	208.252.000	197.351.000

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	397.331.007.858	300.497.156.172
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	127.141.296.308	81.829.031.901
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	160.251.691.669	99.954.270.771
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang	-	32.370.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần xuất nhập khẩu - Chi nhánh An Giang	-	36.423.853.500
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	25.384.360.000	49.920.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	3.041.260.000	-
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	39.476.440.800	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương AG	42.035.959.081	-
Vay dài hạn đến hạn trả	12.835.032.288	15.247.066.576
Cộng	410.166.040.146	315.744.222.748

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là máy móc thiết bị.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán và tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm không thấp hơn 50 tỷ VND.

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển nợ dài hạn sang nợ tới hạn	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	300.497.156.172	1.297.725.279.228	(1.200.891.427.542)	0	397.331.007.858
Vay dài hạn đến hạn trả	15.247.066.576	0	(15.247.066.576)	12.835.032.288	12.835.032.288
Cộng	315.744.222.748	1.297.725.279.228	(1.216.138.494.118)	12.835.032.288	410.166.040.146

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	35.541.710.182	69.119.038.613
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-
Cộng	35.541.710.182	69.119.038.613

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	2.516.767.687	1.395.960.300
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-
Cộng	2.516.767.687	1.395.960.300

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.919.024.761	1.690.216.593	(9.668.639.452)	(1.059.398.098)
Thuế thu nhập cá nhân	22.840.150	278.168.091	(274.642.355)	26.365.886
Thuế tài nguyên	0	50.378.640	(50.378.640)	0
Các loại thuế khác	1.847.900	1.126.532.898	(1.128.380.798)	0
Cộng	6.943.712.811	3.145.296.222	(11.122.041.245)	(1.033.032.212)

(*) được trình bày ở mục V.8: Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

20. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.314.203.094	2.995.637.046
Chi phí lãi vay	624.311.467	380.010.631
Chi phí vi sinh	282.735.000	224.667.239
Chi phí thuê đất	83.722.625	0
Chi phí điện thoại	13.993.689	15.295.811
Chi phí khác	15.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Cộng	<u>2.333.965.875</u>	<u>3.615.610.727</u>		
22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Kinh phí công đoàn	110.249.991	99.949.021		
Bảo hiểm xã hội	29.182.751	0		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.595.800	17.987.504		
Cộng	<u>147.028.542</u>	<u>117.936.525</u>		
23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	5.306.110.265	2.402.449.563	(191.104.100)	7.517.455.728
Quỹ phúc lợi	1.288.030.961	600.612.391	(208.691.651)	1.679.951.701
Quỹ thưởng Ban điều hành	1.265.486.696	1.801.837.173	(127.900.000)	2.939.423.869
Cộng	<u>7.859.627.922</u>	<u>4.804.899.127</u>	<u>(527.695.751)</u>	<u>12.136.831.298</u>
24. Vay và nợ dài hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang (*)	19.301.112.434	32.136.144.722		
Cộng	<u>19.301.112.434</u>	<u>32.136.144.722</u>		
(*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 19%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.				
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:				
Số đầu năm		32.136.144.722		
Số tiền vay phát sinh trong năm		0		
Số tiền vay dài hạn kết chuyển sang nợ đến hạn		(12.835.032.228)		
Số cuối năm		<u>19.301.112.494</u>		
25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
Số đầu năm		249.876.675		
Chi trong năm		(38.042.950)		
Số cuối năm		<u>211.833.725</u>		
26. Vốn chủ sở hữu				
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.				
Cổ phiếu				

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.		

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.079.705.644.925	725.614.144.196
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>951.971.133.259</i>	<i>657.563.677.736</i>
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	<i>127.652.186.456</i>	<i>68.031.059.960</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>82.325.210</i>	<i>19.406.500</i>
Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.266.589.117)	(5.477.600.493)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(905.003.283)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(1.266.589.117)</i>	<i>(4.572.597.210)</i>
Doanh thu thuần	<u>1.078.439.055.808</u>	<u>720.136.543.703</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>950.704.544.142</i>	<i>652.086.077.243</i>
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	<i>127.652.186.456</i>	<i>68.031.059.960</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>82.325.210</i>	<i>19.406.500</i>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	897.408.958.848	560.600.365.752
Chi phí nhân công trực tiếp	56.666.219.213	43.899.517.219
Chi phí sản xuất chung	<u>40.113.021.571</u>	<u>21.545.086.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng chi phí sản xuất	994.188.199.632	626.044.969.769
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(86.752.830.925)	-
Tổng giá thành sản xuất	907.435.368.707	626.044.969.769
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(12.737.256.919)	(39.923.466.393)
Chênh lệch hàng gửi đi bán	2.498.344.261	(9.515.619.316)
Nhập khác	5.479.476.093	20.706.858.287
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	902.675.932.142	597.312.742.347
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.492.400.312	1.264.988.296
Lãi cho vay	3.803.787.476	1.769.131.833
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.940.839.155	10.749.869.133
Cộng	39.237.026.943	13.783.989.262
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	38.315.222.645	15.032.576.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.909.991.429	614.241.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.178.452.536	0
Cộng	55.403.666.610	15.646.817.794
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vi sinh	2.921.740.171	1.839.044.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.478.218.716	43.051.738.153
Chi phí khác	-	137.187
Cộng	75.399.958.887	44.890.920.055
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.244.280.141	10.616.544.310
Chi phí vật liệu quản lý	26.756.574	42.382.257
Chi phí công cụ văn phòng	812.027.332	260.870.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	852.950.822	629.712.822
Thuế, phí và lệ phí	188.295.965	4.872.000
Chi phí dự phòng	0	(40.055.243)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.013.189.047	3.881.356.458
Chi phí khác	1.340.256.126	1.062.372.902
Cộng	22.477.756.007	16.458.055.695
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	59.597.227.366	12.960.759.407

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
ngiệp		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.687.287.813)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		50.290.373.481
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.418	5.588

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.000.000	9.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 5 năm 2010	145.761	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 02 tháng 6 năm 2010	220.016	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 08 tháng 6 năm 2010	1.683	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 07 tháng 7 năm 2010	1	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.000.000	9.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	1.805.802.800	605.467.500
Cộng	1.805.802.800	605.467.500

2. Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	75.015.472	75.015.472
Trên 1 năm đến 5 năm	1.006.654.432	1.006.654.432
Trên 5 năm	11.445.420.784	11.445.420.784
Cộng	12.527.090.688	12.527.090.688

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

3. Thông tin so sánh

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế.

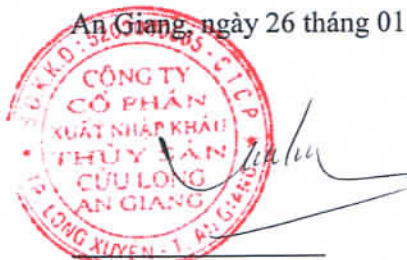
Theo quy định tại Thông tư này, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày lại, do đó, số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày theo quy định mới như sau:

	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2009	Số liệu ngày 01/01/2010
A- Nợ phải trả	300	436.190.646.545	444.050.274.467
I. Nợ ngắn hạn	310	403.804.625.148	411.664.253.070
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	7.859.627.922
II. Nợ dài hạn	330	32.386.021.397	32.386.021.397
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	400	177.753.746.452	169.894.118.530
I. Vốn chủ sở hữu	410	171.159.605.226	169.894.118.530
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.265.486.696	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	6.594.141.226	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	6.594.141.226	-
Tổng cộng nguồn vốn	440	613.944.392.997	613.944.392.997



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2011



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

• BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	90.000.000.000	-	117.359.191	2.162.759.126	5.406.897.816	37.075.099.467	134.762.115.600
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-	939.869.438	-	-	-	939.869.438
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	50.290.373.481	50.290.373.481
Chia có tức năm trước	-	-	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích các quỹ năm trước	-	-	-	1.039.295.995	2.598.239.988	(6.235.775.972)	(2.598.239.989)
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	-	1.057.228.629	3.202.055.121	8.005.137.804	67.629.696.976	169.894.118.530
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	-	1.057.228.629	3.202.055.121	8.005.137.804	67.629.696.976	169.894.118.530
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-	(795.202.703)	-	-	-	(795.202.703)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Tăng thặng dư vốn cổ phần	-	19.920.224.200	-	-	-	-	19.920.224.200
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	59.597.227.366	59.597.227.366
Chia có tức trong năm	-	-	-	-	-	(35.500.000.000)	(35.500.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	1.201.224.782.00	3.003.061.954.00	(9.009.185.863)	(4.804.899.127)
Số dư cuối năm nay	110.000.000.000	19.920.224.200	262.025.926	4.403.279.903	11.008.199.758	82.717.738.479	228.311.468.266

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2011




TRẦN THỊ VĂN LOAN
 Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng